

Số: 115 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 17 tháng 01 năm 2025

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty cổ phần năng lượng Dầu Tiếng Tây Ninh tại Văn bản số 60/2024/CV-DTE ngày 12 tháng 9 năm 2024 về việc đề nghị thẩm định cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 87A/CV-DTE ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 2, công suất 200 MW tại xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 190. .../TTr-STNMT ngày 09/01/2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty cổ phần năng lượng Dầu Tiếng Tây Ninh tại xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 2, công suất 200 MW tại xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 2, công suất 200 MW.

1.2. Địa điểm thực hiện Cơ sở: tại xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3901261281 ngày 11 tháng 04 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30 tháng 11 năm 2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

1.4. Mã số thuế: 3901261281.

1.5. Loại hình cơ sở: Sản xuất điện mặt trời.

1.6. Phạm vi, quy mô, của cơ sở:



1.6.1. Quy mô: Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.2. Tổng diện tích: 288 ha

1.6.3. Công suất: sản xuất điện mặt trời công suất 200 MW tương đương 240 MWp, trạm biến áp và đường dây truyền tải điện 220 kV từ Nhà máy đến lưới điện quốc gia dài 1,36 km.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần năng lượng Dầu Tiếng Tây Ninh được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần năng lượng Dầu Tiếng Tây Ninh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty hoặc tại trụ sở UBND xã Suối Đá; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 12 tháng 06 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 2 - Công suất 200MW” của Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu Tiếng Tây Ninh hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQLKKT;
- UBND huyện Dương Minh Châu;
- UBND xã Suối Đá;
- Công ty cổ phần năng lượng Dầu Tiếng Tây Ninh;
- Đăng tải trang thông tin điện tử Sở TN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH,**



**Trần Văn Chiến**



**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC  
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,  
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ....115...../GPMT – UBND  
ngày 12 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do Nhà máy không phát sinh nước thải, toàn bộ nước thải sinh hoạt của Nhà máy được thu gom chung vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 01, không xả ra môi trường).

**B. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Nhà máy được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 01, không xả trực tiếp ra môi trường.

Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc phát sinh, thu gom, xử lý nước thải của Nhà máy vào hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 01.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *MM5*.../GPMT-UBND  
ngày *13* tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

Không thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do Nhà máy không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

- Tuân thủ các yêu cầu về kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo được hoạt động tối ưu.

- Xây dựng quy trình sản xuất và hướng dẫn công nhân thực hiện đúng quy trình sản xuất. Công ty bố trí cán bộ giám sát sản xuất theo dõi việc tuân thủ quy trình sản xuất.

- Trang bị tốt cho các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang, quần áo, găng tay, hạn chế tác động của bụi đến sức khỏe đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có bảo hộ lao động mà không sử dụng.

- Thường xuyên vệ sinh, quét dọn sạch sẽ khu vực hoạt động.

- Tuân thủ đúng các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số MB.../GPMT-UBND  
ngày 18 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

Không thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo quy định Luật bảo vệ môi trường.

**B. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

Đảm bảo không có nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giám sát nằm trong giới hạn cho phép quy định.

Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để không phát sinh tiếng ồn, độ rung.



## Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 115.../GPMT – UBND  
ngày 18 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

| STT | Loại chất thải  | Mã CTNH  | Khối lượng (kg/năm) | Trạng thái tồn tại | Ký hiệu phân loại |
|-----|---|----------|---------------------|--------------------|-------------------|
| 1   | Các loại pin, ắc quy khác (bình acqui đèn lithium-ion)  | 19 06 05 | 20                  | Rắn                | NH                |
| 2   | Bao bì kim loại cứng (bình chữa cháy)   | 18 01 02 | 500                 | Rắn                | KS                |
| 3   | Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (nhớt đã qua sử dụng)  | 17 02 03 | 40                  | Lỏng               | NH                |
| 4   | Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại) | 19 02 05 | 50                  | Rắn                | NH                |
| 5   | Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)   | 19 02 06 | 5                   | Rắn                | NH                |
| 6   | Ắc quy chì thải   | 19 06 01 | 900                 | Rắn                | NH                |
| 7   | Chất hấp thụ vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại  | 18 02 01 | 50                  | Rắn                | KS                |
| 8   | Các loại dầu hộp số, bôi trơn khác (dầu máy biến áp)  | 17 03 04 | 50                  | Lỏng               | NH                |
| 9   | Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại  | 08 02 04 | 10                  | Rắn                | KS                |

| STT                    | Loại chất thải             | Mã CTNH  | Khối lượng (kg/năm) | Trạng thái tồn tại | Ký hiệu phân loại |
|------------------------|----------------------------|----------|---------------------|--------------------|-------------------|
| 10                     | Bao bì mềm thải            | 18 01 01 | 10                  | Rắn                | KS                |
| 11                     | Bao bì cứng thải bằng nhựa | 18 01 03 | 5                   | Rắn                | KS                |
| 12                     | Pin mặt trời hư hỏng       | 19 02 08 | 225                 | Rắn                | KS                |
| <b>Tổng khối lượng</b> |                            |          | <b>1.865</b>        |                    |                   |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

| TT                     | Loại chất thải  | Mã chất thải | Trạng thái tồn tại | Ký hiệu phân loại | Lượng phát sinh (kg/năm) |
|------------------------|---|--------------|--------------------|-------------------|--------------------------|
| 1                      | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ không nhiễm thành phần nguy hại | 18 02 02     | Rắn                | TT                | 50                       |
| 2                      | Nhựa (quần áo phao)   | 03 02 12     | Rắn                | TT-R              | 50                       |
| 3                      | Bao bì nhựa (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH) thải                  | 18 01 06     | Rắn                | TT-R              | 50                       |
| 4                      | Dây điện  | 19 02 07     | Rắn                | TT                | 50                       |
| 5                      | Kim loại, hợp kim các loại không lẫn CTNH                                       | 11 04 03     | Rắn                | TT-R              | 50                       |
| 6                      | Bùn thải từ quá trình xử lý nước cấp (cặn thải)                                 | 12 10 02     | Bùn                | TT                | 2                        |
| <b>Tổng khối lượng</b> |   |              |                    |                   | <b>252</b>               |

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

| TT                     | Loại chất thải                             | Khối lượng (tấn/năm) |
|------------------------|--|----------------------|
| 1                      | Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên | 3,65                 |
| <b>Tổng khối lượng</b> |  | <b>3,65</b>          |





## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

#### **2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

Bao bì, thùng chứa, can có nắp đậy.

#### **2.1.2. Kho lưu chứa:**

- Diện tích kho: có 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 15m<sup>2</sup> đặt tại Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 1 (riêng biệt với kho chứa chất thải nguy hại của Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 1).

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: có tường bao quanh, lợp mái, sàn chống thấm, có gờ chống tràn, được trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (cát khô, giẻ lau), xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

#### **2.1.3. Biện pháp xử lý:**

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Thiết bị lưu chứa: bao bì, thùng chứa.

- Diện tích kho: có 01 kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 7,5 m<sup>2</sup> đặt tại Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 1 (riêng biệt với kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường của Nhà máy điện mặt trời Dầu Tiếng 1).

- Thiết kế, cấu tạo: có độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt, có nền bê tông xi măng chống thấm, có mái che bằng tôn. Bên trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân chia thành từng ô tương ứng với từng loại chất thải được lưu chứa và được dán nhãn tên chất thải.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh.

- Biện pháp xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 124 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số .115.../GPMT – UBND*  
*ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)**

Không có.

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện các yêu cầu vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện cơ sở đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên./.